TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 460/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **419**/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 05 năm 2026 về việc ***"Xin ly hôn"*** giữa:

- ***Nguyên đơn:*** **Ông Nguyễn Xuân T –** sinh ngày 01/01/1960; Căn cước công dân số 001060006221 do Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 17/6/2022; Nơi ở hiện tại: Ấp 5, xã P, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** **Bà Nguyễn Thị H,** sinh ngày 01/02/1959; Căn cước công dân số 001159016661 do Cục trưởng cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/5/2021. Địa chỉ: Thôn N, xã H1, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 40; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điểm 1 mục 1 khoản 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 05 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về tình cảm:*** Ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị H cùng thống nhất thoả thuận, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: 03 con chung là Nguyễn Xuân M, sinh năm 1980 đã qua đời năm 2009; Nguyễn Thị H2, sinh ngày 12/05/1985; Nguyễn Xuân H3, sinh ngày 30/9/1989 do các con chung đều trưởng thành nên việc ở với ai là do quyết định của các cháu nên chúng tôi không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung (động sản + bất động sản chung): Ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị H tự thống nhất thoả thuận với nhau không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Toà không xét đến.

***- Về các khoản nợ chung*:** Ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị H thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy ông T và bà H thuộc đối tượng người cao tuổi, đều có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, miễn án phí sơ thẩm ly hôn cho ông Tình và bà H. Ông T và bà H không phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- UBND xã Đ, huyện T1 (nay là xã H1), Hà Nội, (số 15 ngày 04/02/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Liên